Cơ quan: Công Ty Cổ Phần Địa Chính Hà Nội
Thời gian ký: 09.03.2021 16:31:53 +07:00

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHÍNH HÀ NỘI
Năm báo cáo: 2020

I. Thông tin chung

1. *Thông tin khái quát*

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHÍNH HÀ NỘI

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100102446 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 29/8/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 19/11/2015.

- Vốn điều lệ: 28.800.000.000 đồng (Hai mươi tám tỷ, tám trăm triệu đồng chẵn).

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 0

- Địa chỉ: Số 9B đường Nguyên Hồng, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội;

- Số điện thoại: 024.37735170 - 024.37722973 - 024.37722976;

- Số fax: 024.37735170

- *Website*: www.hcsc.com.vn; www.hcsc.vn

- Mã cổ phiếu: DCH

Quá trình hình thành và phát triển từ khi thành lập đến nay:

Công ty Cổ phần Địa chính Hà Nội tiền thân là Xí nghiệp Đo đạc bản đồ được thành lập theo quyết định số 2503/QĐ-UB ngày 11/6/1986 của UBND Thành phố Hà Nội thuộc Sở Quản lý ruộng đất Hà Nội;

Ngày 20/10/1992 đổi tên thành Công ty Đo đạc Địa chính Hà Nội theo quyết định số 2522/QĐ-UB ngày 20/10/1992 của UBND Thành phố Hà Nội;

Ngày 24/1/1998 đổi tên thành Công ty Địa chính Hà Nội theo quyết định số 456/QĐ-UB ngày 24/1/1998 của UBND Thành phố Hà Nội, trực thuộc Sở Địa chính Hà Nội (nay là Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội);

Ngày 28/6/2006 đổi tên thành Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên Địa chính Hà Nội theo quyết định số 110/2006/QĐ-UBND ngày 28/6/2006 của Uỷ ban Nhân dân Thành phố Hà Nội;

Ngày 25/7/2011 đổi tên thành Công ty TNHH Một thành viên Địa chính Hà Nội theo quyết định số 3453/QĐ-UBND ngày 25/7/2011 của Uỷ ban Nhân dân Thành phố Hà Nội;

Ngày 29/9/2015 đổi tên thành Công ty cổ phần Địa chính Hà Nội theo quyết định số 4879/QĐ-UBND ngày 29/9/2015 của Uỷ ban Nhân dân Thành phố Hà Nội;

Giấy đăng ký kinh doanh số 0100102446 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/8/2006 và thay đổi lần thứ 3 ngày 19/11/2015;

Vốn điều lệ khi chuyển sang Công ty cổ phần là 28.800.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi tám tỷ, tám trăm triệu đồng chẵn).

Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký lưu ký số 220/2017/GCNCP-VSD ngày 05/12/2017, đăng ký lưu ký 2.880.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần Địa chính Hà Nội, với mã chứng khoán là DCH.

Ngày 16/4/2018 Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, ban hành Thông báo số 350/TB-SGDHN về ngày giao dịch đầu tiên cổ phiếu đăng ký giao dịch của Công ty Cổ phần Địa chính Hà Nội (mã chứng khoán DCH), ngày giao dịch đầu tiên, ngày 23/4/2018.

- Các sự kiện khác: trở thành Công ty đại chúng ngày 04/10/2017.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh chính: Đo đạc lập bản đồ địa chính, bản đồ địa hình, xác định mốc giới giao đất; tư vấn về địa chính, làm các dịch vụ có liên quan tới nhà, đất trong công tác địa chính; Cung cấp các dịch vụ liên quan đến công tác bảo vệ môi trường ...

- Địa bàn kinh doanh: Thành phố Hà Nội và các tỉnh lân cận.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị:

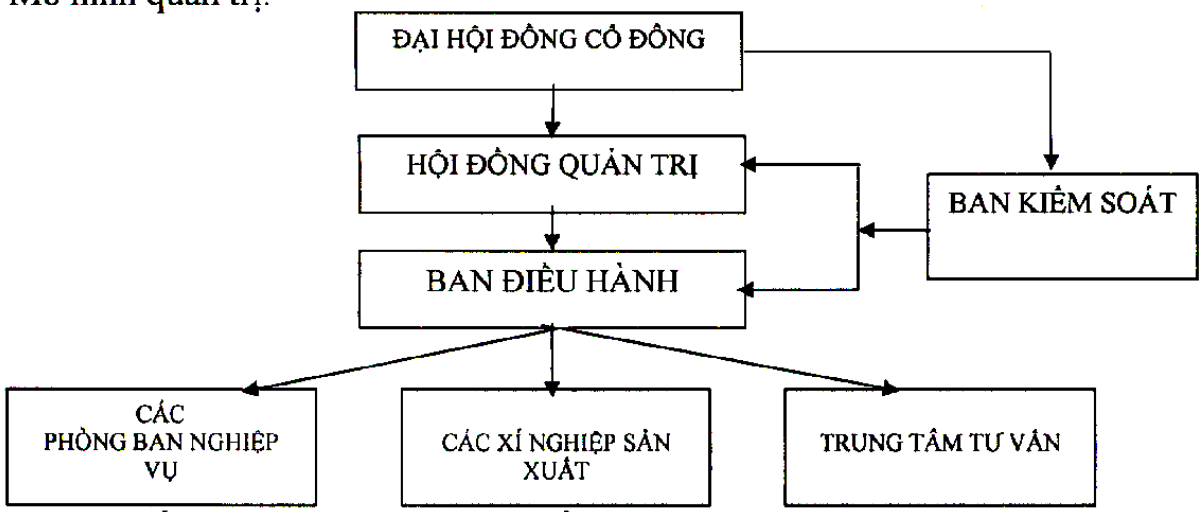

- Cơ cấu bộ máy quản lý: Ban Điều hành, 4 phòng chuyên môn nghiệp vụ và các Xí nghiệp Đo đạc bản đồ, Trung tâm Tư vấn Địa chính.

Bộ máy gián tiếp: gồm các phòng chuyên môn nghiệp vụ có chức năng tham mưu giúp việc cho Ban Điều hành Công ty trong việc quản lý điều hành sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công ty.

- Các Xí nghiệp sản xuất trực tiếp thực hiện nhiệm vụ sản xuất của Công ty.

- Các công ty con, công ty liên kết: không có

4. Định hướng phát triển:

- Định hướng phát triển của Công ty là dựa trên nền tảng phát triển – gia tăng giá trị. Ổn định và phát triển những gì đã có - gia tăng các giá trị về chất lượng sản phẩm và giá trị lợi nhuận.

- Nâng cao năng lực, tăng khả năng cạnh tranh của Công ty cổ phần, đưa Công ty cổ phần phát triển bền vững.

- Phát huy tính năng động, sáng tạo của tập thể cán bộ công ty trong công tác tìm kiếm thông tin dự án, công tác đấu thầu; nắm bám các dự án có nguồn vốn lành mạnh, các dự án của địa phương nhằm ổn định nguồn thu của Công ty.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án "Trụ sở làm việc, văn phòng cho thuê" tại phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy.

- Không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh nhằm tối đa hoá lợi nhuận có thể có được của Công ty, nâng cao giá trị Công ty và không ngừng cải thiện đời sống, điều kiện làm việc, thu nhập cho người lao động và làm tròn nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

- Xác định con người là sức mạnh cốt lõi, Công ty luôn chú trọng đào tạo phát triển nguồn nhân lực sẵn có và có chính sách thu hút nguồn nhân lực bên ngoài để đáp ứng yêu cầu trong sản xuất kinh doanh.

- Ngoài yếu tố con người cần tập trung đầu tư máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ hiện đại là nền tảng để tạo ra những sản phẩm, công trình có chất lượng cao, đáp ứng được yêu cầu ngày càng khắt khe về chất lượng của đối tác.

- Tiếp tục phát huy thế mạnh của Công ty trong lĩnh vực Đo đạc thành lập bản đồ địa hình, cắm mốc, đo đạc địa chính, tư vấn địa chính, đánh giá tác động môi trường. Ngoài ra mở rộng phát triển lĩnh vực xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính, đo đạc công trình.

- Không ngừng xây dựng và phát triển thương hiệu và uy tín của Công ty trên thị trường.

- Phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế, nguồn lực sẵn có; chú trọng ứng dụng tối đa khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ; đổi mới cơ chế quản lý, tăng tính chủ động sáng tạo cho các đơn vị; kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn để giảm giá thành nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

5. Các rủi ro: Thay đổi về chính sách quản lý đất đai, đo đạc bản đồ.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Công ty Cổ phần Địa chính Hà Nội thực hiện nhiều các chương trình đo đạc lập bản đồ hiện trạng, bản đồ địa chính các tỷ lệ, cắm mốc giới quy hoạch cho các tuyến đường giao thông, thủy lợi, trích đo thửa đất phục vụ GPMB, cắm mốc giới giao đất các dự án phục vụ công tác GPMB, lập quy hoạch chi tiết của các công trình trọng điểm của Thành phố Hà Nội cũng như cho các đơn vị có nhu cầu trên địa bàn thủ đô Hà Nội và các tỉnh lân cận...

* Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2020.

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Ghi chú
Tổng giá trị tài sản	39.262.914.835	
Vốn chủ sở hữu	32.525.355.933	
Doanh thu thuần	16.505.840.849	
Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	1.387.053.181	
Lợi nhuận khác	(207.374.500)	
Tổng lợi nhuận trước thuế	1.179.678.681	
Lợi nhuận sau thuế	985.487.036	
Giá trị sổ sách	11.294	

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Công ty CP Địa chính Hà Nội)

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 đã được kiểm toán.

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020	Kết quả SXKD năm 2020	Ghi chú
Tổng doanh thu	24.000.000.000	17.072.907.823	
Tổng chi phí	22.320.000.000	15.893.229.142	
Lãi trước thuế	1.680.000.000	1.179.678.681	
Lãi sau thuế	1.344.000.000	985.487.036	
Nộp ngân sách	2.833.834.104	1.772.777.532	

Quỹ PL KT	211.200.000	212.389.629	
Quỹ ĐT PT	268.800.000	197.097.407	
Lãi chia cổ tức	864.000.000	576.000.000	200đ/CP

Nguồn: Công ty cổ phần Địa chính Hà Nội

*Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên:

Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến doanh thu 2020 giảm:

- Do ảnh hưởng của đại dịch COVID19
- Đầu tư công trong năm 2020 giảm rất nhiều (Các chủ đầu tư trước đây đóng góp quan trọng vào kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty như: Sở Tài nguyên môi trường Hà Nội, Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội, Sở Quy hoạch Kiến trúc ... cả năm 2020 không ký được 1 Hợp đồng nào.
- Nguồn vốn Ngân sách Nhà nước còn nợ Công ty từ các năm trước đến nay vẫn chưa giải ngân được.
- Công tác đấu thầu cạnh tranh phức tạp, nguồn việc thiếu.
- Chi phí giao dịch tăng cao như chi phí hoa hồng môi giới, chi phí giao dịch với khách hàng, chi phí xăng xe, chi phí đấu thầu...

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban Điều hành tại thời điểm tháng 1/2021

TT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
1	Bùi Tô Châu	Phó Tổng Giám đốc điều hành	
2	Nguyễn Đức Việt	Phó Tổng Giám đốc	
3	Đào Thị Ngọc Phượng	Kế toán trưởng	

2.1, Ông Bùi Tô Châu - thành viên Hội đồng Quản trị - Phó Tổng Giám đốc điều hành Công ty.

- Sinh ngày 16/7/1961
- Quê quán: Đông Sơn - Đông Hưng - Thái Bình
- Căn cước công dân số: 034061005031 cấp ngày 22/5/2020 tại Cục cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư.
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 2B A3 TT Đại học Xây dựng, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Trắc địa Mỏ

Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
3/1987-6/1991	Công ty than Cẩm phả Quảng Ninh, Mỏ than Cao Sơn	Cán bộ kỹ thuật, phòng Trắc địa
7/1991 -	Công ty than Cẩm phả Quảng Ninh, Mỏ than	Cán bộ kỹ thuật,

2/1993	Cao Sơn	phòng KCS
3/1993-8/1994	Công ty than Cẩm phả Quảng Ninh, Mỏ than Cao Sơn	Phó phòng KCS
9/1994-4/1999	Công ty than Cẩm phả Quảng Ninh, Mỏ than Cao Sơn	Trưởng phòng KCS
5/1999 - 5/2008	Công ty Địa chính Hà Nội	Đội trưởng Đội đo số 1
6/2008-10/2015	Công ty TNHH một thành viên Địa chính Hà Nội	Phó Tổng Giám đốc
11/2015 nay	Công ty Cổ phần Địa chính Hà Nội	Phó Tổng Giám đốc
05/2019 nay	Công ty Cổ phần Địa chính Hà Nội	Thành viên HĐQT

- Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc điều hành Công ty cổ phần Địa chính Hà Nội.

- Chức vụ tại các tổ chức khác: không

- Số cổ phần sở hữu nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: 148.100 cổ phần, trong đó:

+ Đại diện sở hữu (cổ phần được uỷ quyền, đại diện UBND Thành phố Hà Nội tại Công ty): 144.000 cổ phần, chiếm 5% vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 4.100 cổ phần, chiếm 0,142% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan	0 cổ phần
Các khoản nợ đối với công ty:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Hưởng lương theo chế độ và thù lao UV HĐQT

2.2, Ông Nguyễn Đức Việt - thành viên Hội đồng Quản trị - Phó Tổng Giám đốc Công ty

- Sinh ngày 02/3/1969

- Quê quán: phường Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Chứng minh thư nhân dân số: 011393851 cấp ngày 27/9/2011 tại công an Thành phố Hà Nội

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 23, Tổ 38 - phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

- Trình độ văn hoá: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Quản lý đất đai

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
6/1991-7/1998	Công ty Địa chính Hà Nội	KTV Đo đạc
8/1998 - 3/2004	Công ty Địa chính Hà Nội	NV Trung tâm Tư vấn
4/2004- 10/2008	Công ty Địa chính Hà Nội	TP KTTT
11/2008 - 10/2015	Công ty TNHH một thành viên Địa chính Hà Nội	Phó Tổng Giám đốc
8/2015 đến nay	Công ty Cổ phần Địa chính Hà Nội	Thành viên HĐQT
11/2015- nay	Công ty Cổ phần Địa chính Hà Nội	Phó Tổng Giám đốc

- Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Địa chính Hà Nội.

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty khác: không

- Số cổ phần sở hữu nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: 148.200 cổ phần, trong đó:

+ Đại diện sở hữu (cổ phần được uỷ quyền, đại diện UBND Thành phố Hà Nội tại Công ty): 144.000 cổ phần, chiếm 5 % vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 4.200 cổ phần, chiếm 0,1458% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan: 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Hưởng lương theo chế độ và thù lao UV HĐQT

2.3 Bà Đào Thị Ngọc Phượng – Kế toán trưởng

- Sinh ngày 01/5/1982

- Quê quán: phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

- Hộ khẩu thường trú: Ngõ 72 đường Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Chứng minh nhân dân số: 001182000906 cấp ngày 12/8/2013 tại Cục cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Trình độ văn hoá: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
4/2004 - 12/2014	Trung tâm Dịch vụ xổ số, Tư vấn và Du lịch, UBND Quận Cầu Giấy	Chuyên viên Phòng Kế toán
1/2015 - 10/2015	Công ty TNHH Một thành viên Địa chính Hà Nội	Phó phòng TCKT
11/2015- nay	Công ty Cổ phần Địa chính Hà Nội	Kế toán trưởng

- Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Địa chính Hà Nội

- Chức vụ tại các tổ chức khác: không

- Số cổ phần sở hữu nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: 120.960 cổ phần, trong đó:

+ Đại diện sở hữu (cổ phần được uỷ quyền, đại diện UBND Thành phố Hà Nội tại Công ty): 120.960 cổ phần, chiếm 4,2% Vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan: 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Hưởng lương theo chế độ

- Những thay đổi trong HĐQT và Ban kiểm soát:

+ Ông Trần Hoài Giang – Trưởng Ban kiểm soát miễn nhiệm ngày 12/5/2020

+ Bà Ngô Thị Hồng Diên – thành viên Ban kiểm soát miễn nhiệm ngày 12/5/2020

+ Ông Nguyễn Văn Vinh – Trưởng Ban kiểm soát bổ nhiệm ngày 12/5/2020

+ Ông Tăng Quang Hưng – thành viên Ban kiểm soát bổ nhiệm ngày 12/5/2020

- Số lượng cán bộ, nhân viên hiện có: Tổng số CBCNV hiện đang làm việc tại Công ty số 9B đường Nguyên Hồng, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội gồm 95 người, tại thời điểm tháng 3/2021.

- Chế độ làm việc: Thời gian làm việc thực hiện theo qui định của Luật Lao động. Người lao động được trang bị máy móc, thiết bị ... phù hợp với từng vị trí công việc.

- Chính sách lương - thưởng: Việc trả lương, trả thưởng thực hiện theo quy chế tiền lương, tiền thưởng của Công ty theo mức độ hoàn thành và mức độ

phức tạp của công việc. Căn cứ các quy định của pháp luật về lao động, kế hoạch sản xuất kinh doanh và tình hình cụ thể của quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty xây dựng chế độ lương, thưởng thích hợp để kích thích, tạo động lực cho người lao động.

- Chính sách lao động: Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp theo đúng qui định của pháp luật. Hàng năm Công ty tổ chức cho Người lao động trong Công ty đi thăm quan dã ngoại từ 3 đến 5 ngày để tạo không khí phấn khởi cho người lao động.

- Chính sách tuyển dụng và đào tạo: Công ty tuyển dụng lao động từ nhiều nguồn khác nhau, chủ yếu là các kỹ sư, cử nhân có chuyên ngành được đào tạo đúng về quản lý đất đai, địa chính, trắc địa bản đồ ... Ngoài ra Công ty tổ chức đào tạo tại chỗ, sát với thực tế nhiệm vụ người lao động được giao. Công ty tạo điều kiện cho số CBCNV có nguyện vọng đi học văn bằng II, học tại chức tại một số trường Đại học uy tín vào ngoài giờ hành chính để nâng cao trình độ chuyên môn. Mục tiêu chung sau giai đoạn đào tạo người lao động có trình độ chuyên môn nhất định, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ Công ty giao.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: không có.

b) Các công ty con, công ty liên kết: không có.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	39.639.992.218	39.262.914.835	giảm 1%
Doanh thu thuần	22.845.766.832	16.505.840.849	giảm 28%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.661.519.359	1.387.053.181	giảm 17%
Lợi nhuận khác	342.395.312	(207.374.500)	giảm
Lợi nhuận trước thuế	2.003.914.671	1.179.678.681	giảm 41%
Lợi nhuận sau thuế	1.488.251.523	985.487.036	giảm 34%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	3%	2%	giảm 33%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu/ *Benchmarks*	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh			

toán + Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn + Hệ số thanh toán nhanh: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	2,483 lần 2,327 lần	2,287 lần 2,126 lần	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn + Hệ số Nợ/Tổng tài sản + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,176 lần 0,215 lần	0,171 lần 0,207 lần	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động + Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân) Doanh thu thuần/Tổng tài sản	16,589 vòng 0,576 lần	11,035 vòng 0,420 lần	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	6,514% 4,561% 3,754% 7,273%	5,968% 3,028% 2,509% 8,403%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần:

- Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch: 2.880.000 cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức đăng ký giao dịch: 356.000 CP, cụ thể:

TT	Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	Đối tượng, chính sách và thời gian cụ thể với từng đối tượng năm giữ CP hạn chế chuyển nhượng
1	312.500	Các cổ đông là thành viên Hội đồng Quản trị, bị hạn chế chuyển nhượng theo qui định của Điều lệ Công ty, (trong đó có 3 cổ đông đồng thời hạn chế chuyển nhượng theo thời gian

		cam kết làm việc tại Công ty, thời điểm bắt đầu từ ngày 19/11/2015.
2	43.500	Các cổ đông là cán bộ công nhân viên hạn chế chuyển nhượng theo qui định tại NĐ 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011, bị hạn chế chuyển nhượng theo thời gian cam kết làm việc, thời điểm bắt đầu từ ngày 19/11/2015
Tổng	**356.000**	

Nguồn: Công ty CP Địa chính Hà Nội

- Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và Thông tư 123 ngày 19/8/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

- Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 10/9/2020, Công ty không có nhà đầu tư nước ngoài sở hữu cổ phần của Công ty.

b) Cơ cấu cổ đông:

- Cơ cấu cổ đông: tại thời điểm ngày 10/9/2020

TT	Cổ đông	Số lượng	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/ Vốn điều lệ
I	**Cổ đông trong nước**	115	2.880.000	100%
1	Tổ chức	2	2.308.200	80,146 %
2	Cá nhân	113	571.800	19,854%
II	**Cổ đông nước ngoài**	**0**	**0**	**-**
	Cộng	**115**	**2.880.000**	**100%**

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 10/9/2020 của Công ty CP Địa chính Hà Nội

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: không

e) Các chứng khoán khác: không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản

phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Lượng điện tiêu thụ trong năm 2020 là 34.773 KW

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này.

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

+ Nguồn cung cấp nước sạch: Công ty TNHH MTV nước sạch Hà Nội;

+ Lượng nước sử dụng trong năm 2020 là 1.227 m^3

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: *không*

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

+ Số lượng lao động hiện có: tại thời điểm tháng 3/2021 tổng số CBCNV hiện đang làm việc tại Công ty số 9B đường Nguyên Hồng, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội là 95 người.

+ Mức lương bình quân năm 2020: 8.835.000đ/người/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

+ Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.

+ Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây: kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 đạt so với kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2020

Đơn vị: đồng

TT	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/Nguyên giá (%)
I	**Tài sản cố định hữu hình**	**14.391.255.949**	**5.350.453.598**	**37,18**
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	8.135.272.727	4.872.248.221	59,89
2	Máy móc, trang thiết bị	4.338.273.265	354.253.333	8,16
3	Phương tiện vận tải truyền dẫn	1.917.709.957	123.952.046	6,46
	Cộng	**14.391.255.949**	**5.350.453.598**	**37,18**

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2020 của Công ty CP Địa chính Hà Nội)

- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020
Tài sản dở dang dài hạn	**14.001.963.965**
*Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**	*14.001.963.965*
Tổng cộng	**14.001.963.965**

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2020 của Công ty CP Địa chính Hà Nội)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang nêu trên là số tiền Công ty chi trả công tác bồi thường, GPMB khu đất của Công ty tại phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

* Diện tích đất đai Công ty đang quản lý:

TT	Địa chỉ	Diện tích (m2)	Thời gian (năm)	Mục đích sử dụng	Thời điểm kết thúc	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
1	Số 9B đường Nguyên Hồng, P Thành Công, q Ba Đình, TP Hà Nội	264	40	Trụ sở làm việc	21/4/2043	BT 555069
2	P Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, tp Hà Nội	1.998	50	Trụ sở làm việc kết hợp Văn phòng cho thuê	28/12/2059	CK 299815

Nguồn: Công ty Cổ phần Địa chính Hà Nội

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

* Thanh toán các khoản nợ đến hạn: Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ đến hạn. Tại thời điểm 31/12/2020 Công ty không có nợ quá hạn.

* Các khoản phải nộp theo luật định: Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế, phí, lệ phí khác theo quy định của Nhà nước.

- Thuế giá trị gia tăng: Công ty áp dụng mức thuế suất 10%

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Công ty áp dụng mức thuế suất 20%

* Trích lập các quỹ theo luật định: Công ty thực hiện trích lập các quỹ dựa trên cơ sở lợi nhuận hàng năm và kế hoạch phát triển của Công ty theo đúng Điều lệ Công ty và luật định. Mức trích lập cụ thể cho từng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị.

* Tổng dư nợ vay: Theo BCTC đã được kiểm toán năm 2020, tại thời điểm ngày 31/12/2020 Công ty còn phải trả khoản vay ngắn hạn là 1.000.000.000 đồng chẵn của cá nhân.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính ngày 31/12/2020, Công ty đã gửi đầy đủ tới chủ đầu tư thư xác nhận số dư đối với khoản mục phải thu khách hàng với giá trị là: 3.988.945.664 đồng; khoản mục người mua trả tiền trước với giá trị là: 3.939.509.350 đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm kiểm toán, các thư xác nhận này chưa được các chủ đầu tư gửi phản hồi lại đầy đủ. Do đó, Công ty TNHH kiểm toán và định giá Việt Nam đã áp dụng các thủ tục kiểm toán thay thế nhưng các thủ tục này không cung cấp được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến các khoản mục này.Công ty cổ phần Địa chính Hà Nội cam kết Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty cổ phần

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty,

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty: Ban điều hành Công ty đã nghiêm túc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và đã hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh do UBND Thành phố Hà Nội giao và HĐQT đã đề ra: kinh doanh có lãi, bảo toàn được phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Định hướng phát triển của Công ty là dựa trên nền tảng phát triển – gia tăng giá trị. Ổn định và phát triển những gì đã có - gia tăng các giá trị về chất lượng sản phẩm và giá trị lợi nhuận.

- Nâng cao năng lực, tăng khả năng cạnh tranh của Công ty cổ phần, đưa Công ty cổ phần phát triển bền vững.

- Phát huy tính năng động, sáng tạo của tập thể cán bộ công ty trong công

tác tìm kiếm thông tin dự án, công tác đấu thầu; nắm bắt các dự án có nguồn vốn lành mạnh, các dự án của địa phương nhằm ổn định nguồn thu của Công ty.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án "Trụ sở làm việc, văn phòng cho thuê" tại phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy.

- Không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh nhằm tối đa hoá lợi nhuận có thể có được của Công ty, nâng cao giá trị Công ty và không ngừng cải thiện đời sống, điều kiện làm việc, thu nhập cho người lao động và làm tròn nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

- Tiếp tục phát huy thế mạnh của Công ty trong lĩnh vực Đo đạc thành lập bản đồ địa hình, cắm mốc, đo đạc địa chính, tư vấn địa chính, đánh giá tác động môi trường. Ngoài ra mở rộng phát triển lĩnh vực xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính, đo đạc công trình.

- Không ngừng xây dựng và phát triển thương hiệu và uy tín của Công ty trên thị trường.

- Phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế, nguồn lực sẵn có; chú trọng ứng dụng tối đa khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ; đổi mới cơ chế quản lý, tăng tính chủ động sáng tạo cho các đơn vị; kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn để giảm giá thành nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị.

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

- Đại hội Đồng cổ đông ngày 12/5/2020 đã thông qua điều lệ Công ty Cổ phần Địa chính Hà Nội miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị hiện tại của Công ty gồm các thành viên:

TT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
1	Nguyễn Đức Hào	Chủ tịch HĐQT	Không điều hành
2	Lê Minh Thành	Phó Chủ tịch HĐQT	Không điều hành
3	Bùi Thị Minh Diệu	UV HĐQT	Không điều hành
4	Bùi Tô Châu	UV HĐQT	Điều hành
5	Nguyễn Đức Việt	UV HĐQT	Điều hành

Nguồn: Công ty Cổ phần Địa chính Hà Nội

1.1 Ông Nguyễn Đức Hào - Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Chức vụ hiện tại: Chủ tịch HĐQT, Công ty cổ phần Địa chính Hà Nội

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty khác: không

- Số cổ phần sở hữu nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: 1.168.900 cổ phần, trong đó:

+ Đại diện sở hữu (cổ phần được uỷ quyền, đại diện cho UBND Thành phố Hà Nội tại Công ty): 1.152.000 cổ phần chiếm 40% Vốn điều lệ.

+ Cá nhân sở hữu: 16.900 cổ phần chiếm 0,586% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan:	0 cổ phần
Các khoản nợ đối với công ty	không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Hưởng lương theo chế độ và thù lao CT HĐQT

1.2 Ông Lê Minh Thành - Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Chức vụ hiện tại: phó chủ tịch HĐQT, Công ty Cổ phần Địa chính Hà Nội

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty khác: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần 18-4 Hà Nội

- Số cổ phần sở hữu nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: 0 cổ phần, trong đó:

+ Đại diện sở hữu (cổ phần được uỷ quyền): 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan:	0 cổ phần
Các khoản nợ đối với công ty:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Hưởng thù lao UV HĐQT

1.3 Bà Bùi Thị Minh Diệu - Thành viên Hội đồng Quản trị

- Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT, Công ty cổ phần Địa chính Hà Nội

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty khác: không

- Số cổ phần sở hữu nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: 288.000 cổ phần, trong đó:

+ Đại diện sở hữu (cổ phần được uỷ quyền): 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu: 288.000 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan	0 cổ phần
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Hưởng thù lao UVHĐQT

1.4 Ông Bùi Tô Châu - Thành viên Hội đồng Quản trị - Phó Tổng

Giám đốc điều hành Công ty

- Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc điều hành Công ty cổ phần Địa chính Hà Nội.

- Chức vụ tại các tổ chức khác: không

- Số cổ phần sở hữu nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: 148.100 cổ phần, trong đó:

+ Đại diện sở hữu (cổ phần được uỷ quyền, đại diện UBND Thành phố Hà Nội tại Công ty): 144.000 cổ phần, chiếm 5% vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 4.100 cổ phần, chiếm 0,142% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan	0 cổ phần
Các khoản nợ đối với công ty:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Hưởng lương theo chế độ và thù lao UV HĐQT

1.5 Ông Nguyễn Đức Việt - Thành viên Hội đồng Quản trị - Phó Tổng Giám đốc Công ty

- Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Địa chính Hà Nội.

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty khác: không

- Số cổ phần sở hữu nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: 148.200 cổ phần, trong đó:

+ Đại diện sở hữu (cổ phần được uỷ quyền, đại diện UBND Thành phố Hà Nội tại Công ty): 144.000 cổ phần, chiếm 5 % vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 4.200 cổ phần, chiếm 0,1458% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan:	0 cổ phần
Các khoản nợ đối với công ty:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Hưởng lương theo chế độ và thù lao UV HĐQT

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: *Không có*

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2020, Hội đồng Quản trị Công ty đã tiến hành họp 5 phiên. Tại các phiên họp Hội đồng Quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát đã tham gia đầy đủ và đã ra các nghị quyết để chỉ đạo, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

+ Phiên thứ nhất họp vào ngày 18/3/2020, cuộc họp đã ra Nghị quyết thông qua tờ trình của Ban Điều hành về kết quả SXKD năm 2019, phân chia các quỹ theo kết quả SXKD năm 2019, thông qua KH SXKD năm 2020, kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, ban KS năm 2020, lựa chon đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020, tạm ứng chi trả cổ tức năm 2019 tỷ lệ 3% tương đương 300 đ/CP, thông qua kế hoạch Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020.

+ Phiên thứ hai họp vào ngày 26/5/2020, cuộc họp đã ra Nghị quyết thông qua việc lựa chọn đơn vị tư vấn thiết kế bản vẽ thi công xây dựng và lựa chọn đơn vị liên danh để thực hiện dự án khu đất tại phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy

+ Phiên thứ ba họp ngày 13/8/2020, cuộc họp đã ra Nghị quyết thông qua kết quả sơ bộ SXKD 6 tháng đầu năm 2020, lựa chọn đơn vị tư kiểm toán báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020 phục vụ thoái vốn nhà nước tại Công ty theo chỉ đạo của UBND Thành phố.

+ Phiên thứ tư họp ngày 30/10/2020, cuộc họp đã ra Nghị quyết thông qua việc bầu chủ tịch HĐQT, phó chủ tịch HĐQT, tổng giám đốc, phó tổng giám đốc và kế toán trưởng nhiệm kỳ 2020-2025.

+ Phiên thứ năm họp ngày 22/12/2020, cuộc họp đã ra Nghị quyết thông qua báo cáo của Ban điều hành trình HĐQT.

Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 được tổ chức ngày 12/5/2020, tại Đại hội đã thông qua KH SXKD theo chỉ tiêu được UBND Thành phố giao tại quyết định số: 1250/QĐ-UBND ngày 27/3/2020 và các nội dung đã được HĐQT thông qua tại phiên thứ nhất họp vào ngày 18/3/2020.

Đại hội đồng Cổ đông bất thường niên năm 2020 được tổ chức ngày 30/10/2020, tại Đại hội đã thông qua kết quả bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: không

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Chưa có

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

-Đại hội Đồng cổ đông ngày 12/5/2020 đã thông qua điều lệ Công ty Cổ phần Địa chính Hà Nội miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát. Ban kiểm soát hiện tại của Công ty gồm các thành viên:

TT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Vinh	Trưởng ban Kiểm soán	
2	Nguyễn Minh Đức	Thành viên Ban kiểm soát	
3	Tăng Quang Hưng	Thành viên Ban kiểm soát	

2.1 Ông Nguyễn VănVinh - Trưởng ban kiểm soát

- Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần Địa chính Hà Nội

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty khác: không

- Tổng số cổ phần nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: 2.800 cổ phần, trong đó:

+ Đại diện sở hữu (cổ phần được uỷ quyền): 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu: 2.800 cổ phần, chiếm 0,097% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan:	0 cổ phần
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Hưởng thù lao Trưởng ban kiểm soát

2.2 Ông Nguyễn Minh Đức - Thành viên Ban Kiểm soát

- Chức vụ hiện tại: UV Ban Kiểm soát, Công ty Cổ phần Địa chính Hà Nội

- Chức vụ tại các tổ chức khác: Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó phòng Thu hồi công nợ, Công ty Cổ phần 18 - 4.

- Tổng số cổ phần nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: 0 cổ phần

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan	0 cổ phần
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Hưởng thù lao UV Ban kiểm soát

2.3 Ông Tăng Quang Hưng - Thành viên Ban Kiểm soát

- Chức vụ hiện tại: UV Ban Kiểm soát, Công ty Cổ phần Địa chính Hà Nội

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty khác: không

- Số cổ phần sở hữu nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: 3.000 cổ phần, trong đó:

+ Đại diện sở hữu (cổ phần được uỷ quyền): 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu: 3.000 cổ phần, chiếm 0,104% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan	0 cổ phần
Các khoản nợ đối với công ty:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Hưởng thù lao UV Ban KS

b)Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020

Thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Địa chính Hà Nội, Ban kiểm soát Công ty đã thực hiện những công việc sau:

- Tham gia vào các cuộc họp của Hội đồng quản trị, cuộc họp giao ban, điều hành sản xuất của Công ty.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác kế toán thống kê và lập báo cáo tài chính.

- Giám sát việc thực hiện pháp luật hiện hành, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết họp thường kỳ của Hội đồng quản trị.

- Giữ mối liên hệ thường xuyên trong Ban kiểm soát, giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty.

* Kết quả kiểm tra giám sát năm 2020

+ Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị :

- Hội đồng quản trị mỗi quý họp một lần và thường xuyên giám sát sự chỉ đạo của Ban điều hành Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động theo đúng Nghị quyết của Hội đồng quản trị, đảm bảo các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2020 theo đúng kế hoạch của UBND Thành phố phê duyệt.

- Hội đồng quản trị đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng quy chế, phù hợp với Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

+ Kết quả giám sát hoạt động của Ban điều hành Công ty:

- Trong năm 2020, Ban điều hành Công ty đã triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty, chấp hành nghiêm chỉnh chính sách và quy định của Nhà nước trong điều hành sản xuất kinh doanh, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước và chế độ chính sách cho người lao động, Ban điều hành đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng quy chế phù hợp với Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

- Ban điều hành đã thường xuyên tổ chức các cuộc họp giao ban, thành phần gồm có đồng chí Chủ tịch Hội đồng quản trị, các đồng chí trong Ban điều hành và các đồng chí cán bộ chủ chốt của Công ty. Nội dung cuộc họp là các

đơn vị báo cáo các công việc đang thực hiện, nêu ra các vướng mắc khó khăn trong điều hành quản lý sản xuất để Công ty có định hướng tháo gỡ, chỉ đạo, đôn đốc kịp thời các phòng ban, đơn vị phối hợp thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Năm 2020, do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID 19, Công ty đã chi trả thù lao cho các Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát như sau:

STT	Chức danh	Số lượng	Mức thù lao tối đa (đồng/người/tháng)	Số tháng/năm	Thành tiền (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT	1	1.500.000	9	13.500.000
2	Uỷ viên HĐQT	2	2.000.000	12	48.000.000
3	Uỷ viên HĐQT	2	1.500.000	12	36.000.000
4	Thành viên BKS	3	1.000.000	12	36.000.000
	Tổng cộng				**133.500.000**

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: *không*

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ*: không*

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty*:*

Trong năm 2020 Công ty đã đặt ra các kế hoạch và định hướng để tăng cường hoạt động quản trị tại Công ty như sau:

Giám sát HĐQT, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty nhằm đảm bảo tuân thủ pháp luật và quy định Công ty.

Giám sát HĐQT, Ban Giám đốc trong việc ban hành và triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, tiến độ thực hiện kế hoạch kinh doanh đã được ĐHĐCĐ phê chuẩn.

Công ty sẽ tiến hành xây dựng và hoàn chỉnh các quy chế qui định theo hướng dẫn tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017.

- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần;
- Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị;
- Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát;
- Các Quy chế và quy định nội bộ khác.

Hiện nay, việc quản trị Công ty đang nghiên cứu tổ chức thực hiện theo

quy định của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Luật doanh nghiệp .

Công ty đang làm tờ trình xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất để sửa đổi Điều lệ theo đúng các qui định của pháp luật.

Trong năm 2020, Ban Kiểm soát sẽ tiếp tục cải thiện các quy trình làm việc cũng như thực hiện các hoạt động giám sát thông qua các hoạt động trực tiếp của các thành viên Ban Kiểm soát để đảm bảo tính tuân thủ trong hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc.

Ban Kiểm soát sẽ phối hợp chặt chẽ với ban quản lý điều hành Công ty để có những giải pháp đề xuất thích hợp và kịp thời góp phần vào sự phát triển kinh doanh và nâng cao khả năng quản trị của Công ty, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.

HĐQT chú trọng tăng cường công tác quản trị Công ty theo qui định của pháp luật, Điều lệ và các quy định, quy chế của công ty ban hành. Công ty đang hoàn thiện mô hình tổ chức quản lý hoạt động theo các qui định về công ty đại chúng, việc minh bạch hoá bộ máy quản lý, công bố thông tin được thực hiện đầy đủ và kịp thời theo đúng qui định. Công ty luôn chú trọng việc tiếp tục nâng cao công tác quản trị như sau:

- Rà soát và hoàn thiện tất cả các quy trình liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Đào tạo nguồn nhân lực kế cận, khuyến khích và tạo điều kiện cho nhân viên Công ty nâng cao năng lực và trình độ chuyên môn.

- Áp dụng công nghệ thông tin vào quá trình kiểm soát, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ trong BCTC kiểm toán năm 2020: Đến thời điểm kiểm toán, chúng tôi không thu thập được thư xác nhận số dư tại ngày 31/12/2020 của khoản mục phải thu khách hàng với giá trị là 3.988.945.664 đồng và khoản người mua trả tiền trước với giá trị là 3.939.509.350 đồng. Chúng tôi đã áp dụng các thủ tục kiểm toán thay thế nhưng các thủ tục này không cung cấp được cho chúng tôi đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến các khoản mục này. Theo đó chúng tôi không đưa

ra ý kiến về các khoản mục này và ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục khác có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.

2. *Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán* bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

		Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**15,410,497,272**	**17,405,112,795**
I	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**V.1.**	**7,195,865,754**	**7,693,093,475**
1	Tiền	111		1,195,865,754	1,693,093,475
2	Các khoản tương đương tiền	112		6,000,000,000	6,000,000,000
II	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**	**V.2.**	-	-
1	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**7,123,378,527**	**8,516,127,685**
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	3,988,945,664	4,576,679,098
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	40,000,000	40,000,000
3	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	3,094,432,863	3,899,448,587
IV	**Hàng tồn kho**	**140**		**1,087,252,991**	**1,091,391,991**
1	Hàng tồn kho	141	V.6.	1,087,252,991	1,091,391,991
V	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**4,000,000**	**104,499,644**
1	Thuế GTGT được khấu trừ	152		4,000,000	-
2	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11.	-	104,499,644
B	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**23,852,417,563**	**22,234,879,423**
I	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		-	-
II	**Tài sản cố định**	**220**		**5,350,453,598**	**5,626,900,578**
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.8.	5,350,453,598	5,626,900,578
-	*Nguyên giá*	*222*		*14,391,255,949*	*14,391,255,949*
-	*Giá trị hao mòn luỹ kế (*)*	*223*		*(9,040,802,351)*	(8,764,355,371)
III	**Bất động sản đầu tư**	**230**		-	-
IV	**Tài sản dở dang dài hạn**	**240**	**V.7.**	**14,001,963,965**	**13,107,978,845**
1	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		14,001,963,965	13,107,978,845
V	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**250**	**V.2.**	**4,500,000,000**	**3,500,000,000**
1	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		4,500,000,000	3,500,000,000
VI	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)		**270**		**39,262,914,835**	**39,639,992,218**

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
C	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**6,737,558,902**	**7,009,522,103**
I	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**6,737,558,902**	**7,009,522,103**
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9.	73,782,218	73,782,218
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10.	3,939,509,350	5,643,987,120
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11.	653,412,029	408,545,260
4	Phải trả người lao động	314		724,458,000	252,825,000
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12.	149,130,000	406,381,000
6	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13.	44,537,000	215,532,418
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14.	1,000,000,000	-
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		152,730,305	8,469,087
II	**Nợ dài hạn**	**330**		-	-
D	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**32,525,355,933**	**32,630,470,115**
I	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**V.15.**	**32,525,355,933**	**32,630,470,115**
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411		28,800,000,000	28,800,000,000
-	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*28,800,000,000*	*28,800,000,000*
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		284,452,150	284,452,150
3	Quỹ đầu tư phát triển	418		2,455,416,747	2,157,766,442
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		985,487,036	1,388,251,523
-	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*	*421a*		-	-
-	*LNST chưa phân phối năm nay*	*421b*		*985,487,036*	1,388,251,523
II	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400		**440**		**39,262,914,835**	**39,639,992,218**

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHÍNH HÀ NỘI

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Phó Tổng giám đốc
Đào Thị Ngọc Phượng	Đào Thị Ngọc Phượng	Nguyễn Đức Việt
		(Giấy ủy quyền số 358/2020/QĐ-CTĐC-TCHC ngày 02/11/2020)

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

		Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
1	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	**VI.1.**	**16,505,840,849**	**22,845,766,832**
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3	**Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch (10=01-02)**	**10**		**16,505,840,849**	**22,845,766,832**
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	11,995,858,086	18,105,779,103
5	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch (20=10-11)**	**20**		**4,509,982,763**	**4,739,987,729**
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	567,036,974	1,079,918,377
7	Chi phí tài chính	22	VI.4.	6,000,000	-
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*6,000,000*	-
8	Chi phí bán hàng	25	VI.5.	1,377,233,495	1,257,092,364
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5.	2,306,733,061	2,901,294,383
10	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}**	**30**		**1,387,053,181**	**1,661,519,359**
11	Thu nhập khác	31	VI.6.	30,000	530,599,139
12	Chi phí khác	32	VI.7.	207,404,500	188,203,827
13	**Lợi nhuận khác (40= 31-32)**	**40**		**(207,374,500)**	**342,395,312**
14	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)**	**50**		**1,179,678,681**	**2,003,914,671**
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8.	194,191,645	515,663,148
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)**	**60**		**985,487,036**	**1,488,251,523**
18	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**70**	**VI.9.**	**342.18**	**403.35**

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHÍNH HÀ NỘI

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Phó Tổng giám đốc
Đào Thị Ngọc Phượng	Đào Thị Ngọc Phượng	Nguyễn Đức Việt
		(Giấy ủy quyền số 358/2020/QĐ-CTĐC-TCHC ngày 02/11/2020)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHÍNH HÀ NỘI				BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Địa chỉ: Số 9B, đường Nguyên Hồng, P.Thành Công, Q.Ba Đình, TP.Hà Nội			*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020*	
				Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

			Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		17,434,515,923	20,629,041,819
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(2,268,612,660)	(3,713,873,221)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(11,665,032,261)	(12,583,303,731)
4.	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(261,326,474)	(450,135,809)
5.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1,775,136,234	2,512,306,850
6.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(4,320,960,337)	(13,021,982,797)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		**20**		**693,720,425**	**(6,627,946,889)**
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(893,985,120)	-
2.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23		(1,000,000,000)	-
3.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	6,000,000,000
4.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		567,036,974	1,079,586,966
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		**30**		**(1,326,948,146)**	**7,079,586,966**
II	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**				
1.	Tiền thu từ đi vay	33		1,000,000,000	-
2.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(864,000,000)	(1,008,000,000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**136,000,000**	**(1,008,000,000)**
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	**50**		**(497,227,721)**	**(556,359,923)**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**7,693,093,475**	**8,249,453,398**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+6	**70**	**V.1**	**7,195,865,754**	**7,693,093,475**

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHÍNH HÀ NỘI

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Phó Tổng giám đốc
Đào Thị Ngọc Phượng	Đào Thị Ngọc Phượng	Nguyễn Đức Việt
		(Giấy ủy quyền số 358/2020/QĐ-CTĐC-TCHC ngày 02/11/2020)

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèn

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Địa chính Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Địa chính Hà Nội, theo quyết định số 4879/QĐ-UB ngày 29/09/2015 của UBND thành phố Hà Nội "Về việc chuyển Công ty TNHH MTV Địa chính Hà Nội thành Công ty cổ phần Địa chính Hà Nội", hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 0100102446 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần thứ 3 ngày 19/11/2015 (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cũ số 0104000463 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/08/2006).

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100102446 thay đổi lần thứ 3 ngày 19/11/2015 thì vốn Điều lệ của Công ty là **28.800.000.000 VND** *(Hai mươi tám tỷ, tám trăm triệu đồng)*.

Ủy ban chứng khoán Nhà nước đã có công văn số 6592/UBCK-GSĐC ngày 01/10/2017 về việc chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng của Công ty và Công văn số 21931/VSD-ĐK của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam ngày 05/12/2017 về việc cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 220/2017/GCNCP-VSD ngày 05/12/2017 và cấp mã chứng khoán cho Công ty CP Địa chính Hà Nội với mã chứng khoán là DCH.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ đo đạc địa chính.

3. Ngành nghề kinh doanh

Đo đạc lập bản đồ địa chính, bản đồ địa hình, xác định mốc giới giao đất và các dịch vụ đo đạc chuyên ngành khác như: đo độ cao, định vị công trình, đo đạc phục vụ quy hoạch đô thị, quan trắc

Tư vấn, lập quy hoạch mặt bằng, thiết kế xây dựng hạ tầng kỹ thuật công trình, lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Tư vấn về địa chính, làm các dịch vụ liên quan tới nhà, đất trong công tác địa chính, phục vụ công tác giải phóng mặt bằng và phát triển quỹ đất;

Điều tra phân tích đất, đánh giá tiềm năng đất, lập bản đồ đất phục vụ nhu cầu quản lý và sử dụng đất đai của Thành phố;

Liên doanh liên kết với các pháp nhân kinh tế trong và ngoài nước liên quan đến công tác địa chính, tạo quỹ đất phục vụ các dự án phát triển đô thị của Thành phố;

Trụ sở Công ty tại: Số 9B, đường Nguyên Hồng, P.Thành Công, Q.Ba Đình, TP.Hà Nội.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 thá

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Do ảnh hưởng toàn cầu về sự bùng phát và lây lan của đại dịch do virus corona ("Covid 19") đã và đang tác động đến nền kinh tế thế giới và đặc biệt tại Việt Nam có quy định cách ly xã hội từ ngày 01/04/2020 đến ngày 22/04/2020 theo Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/03/2020 của Thủ tướng Chính phủ sau đó dịch bệnh vẫn tiếp tục ảnh hưởng đến Việt Nam và hoạt động của Công ty cũng bị ảnh hưởng làm doanh thu trong năm 2020 của Công ty bị sụt giảm đáng kể.

6.	**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**				
	Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.				
II.	**Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**				
1.	**Kỳ kế toán**				
	Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.				
2.	**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**				
	Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.				
III.	**Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**				
1.	**Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**				
	Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.				
2.	**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**				
	Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.				
IV.	**Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**				
1.	**Công cụ tài chính**				
	Ghi nhận ban đầu				
	Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính.				
	Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản				
	Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu				
	Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.				
2.	**Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**				
	Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.				

	Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
3.	**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**
	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn
	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.
	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.
	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu
	Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.
4.	**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**
	Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.
	Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:
	Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
	Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.
	Tại ngày 31/12/2020, Công ty không thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi.
5.	**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**
	Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
	Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.
	Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.
	Tại ngày 31/12/2020, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
6.	**Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ**
6.1	**Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**
	Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

	Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.
	Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.
	Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.
	Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.
	Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

	Loại tài sản cố định	***Thời gian khấu hao (năm)***
	Nhà cửa vật kiến trúc	50
	Máy móc, thiết bị	12 - 15
	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	10

7.	**Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang**
	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là khu Văn phòng tại Dịch Vọng, được ghi nhận theo giá gốc.
8.	**Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả**
	Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.
	Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:
	Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.
	Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
9.	**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính**
	Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.
	Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.
10.	**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**
	Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

	Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.
	Đối với các khoản vốn vay chung trong đó sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.
11.	**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**
	Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản chi phí hoa hồng khách hàng và các chi phí vật tư, điện nước, là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo và các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa ghi nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng được tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh ở kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh
	Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.
12.	**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**
	Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.
	Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.
	Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.
	Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
13.	**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập**
	Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ đo đạc địa chính và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.
	Doanh thu cung cấp dịch vụ
	Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

	- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
	- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
	- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
	- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ
	Doanh thu tiền lãi
	Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.
14.	**Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**
14.1	**Các nghĩa vụ về thuế**
	Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)
	Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 0% đối với các lô hàng xuất khẩu, 10% đối với các lô hàng hàng khác.
	Thuế thu nhập doanh nghiệp
	Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.
	Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc
	Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.
	Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.
	Thuế khác
	Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V.	Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán		
1.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**31/12/2020**	**01/01/2020**
		VND	**VND**
	Tiền	**1,195,865,754**	**1,693,093,475**
	Tiền mặt	816,553,576	485,766,218
	Tiền gửi ngân hàng	379,312,178	1,207,327,257
	Các khoản tương đương tiền	**6,000,000,000**	**6,000,000,000**
	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Ba Đình	6,000,000,000	6,000,000,000
	Cộng	**7,195,865,754**	**7,693,093,475**

2.	**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**				
		31/12/2020		**01/01/2020**	
		VND		**VND**	
		Giá trị	**Giá trị ghi sổ**	**Giá trị**	**Giá trị ghi sổ**
	Dài hạn				
	Tiền gửi có kỳ hạn (*)	4,500,000,000	4,500,000,000	3,500,000,000	3,500,000,000
	Cộng	**4,500,000,000**	**4,500,000,000**	**3,500,000,000**	**3,500,000,000**

(*) Là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 24 tháng tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình, lãi suất theo từng hợp đồng tiền gửi cụ thể.

3.	**Phải thu của khách hàng**				
		31/12/2020		**01/01/2020**	
		VND		**VND**	
		Giá trị	**Dự phòng**	**Giá trị**	**Dự phòng**
	Ngắn hạn				
	Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội	618,266,900	-	907,174,700	-
	Công ty Cổ phần Tập đoàn HATECO	52,164,000	-	332,925,000	-
	Công ty Điện lực Ba Đình	-	-	277,593,067	-
	BQLDA xây dựng các công trình giao thông, công nghiệp, trụ sở làm việc và HTKT huyện Mỹ Đức	794,645,000	-	-	-
	Học viện Khoa học quân sự	416,439,000	-	-	-
	Các đối tượng khác	2,107,430,764	-	3,058,986,331	-
	Cộng	**3,988,945,664**	**-**	**4,576,679,098**	**-**

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công ty CP Nước và Công nghệ môi trường	40,000,000	40,000,000
Cộng	**40,000,000**	**40,000,000**

5. Phải thu khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Tạm ứng tại các phòng Ban	3,012,470,000	-	3,285,529,000	-
Xí nghiệp số 1	*721,000,000*	-	*1,099,000,000*	-
Xí nghiệp số 2	*289,233,000*	-	*369,733,000*	-
Xí nghiệp số 3	*746,800,000*	-	*653,800,000*	-
Xí nghiệp số 4	*714,769,000*	-	*528,200,000*	-
Xí nghiệp số 5	*227,000,000*	-	*338,700,000*	-
Phòng ban khác	*313,668,000*	-	*296,096,000*	-
Ký cược, ký quỹ	4,460,866	-	274,173,375	-
Phải thu khác	-	-	139,404,500	-
Công ty CP Tập đoàn đầu tư xây	-	-	*139,404,500*	-
Dư nợ TK 338	77,501,997	-	200,341,712	-
Các đối tượng khác	*77,501,997*	-	*200,341,712*	-
Cộng	**3,094,432,863**	-	**3,899,448,587**	-

6. Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	1,087,252,991	-	1,091,391,991	-
Cộng	**1,087,252,991**	-	**1,091,391,991**	-

(*) Là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các hợp đồng dịch vụ đo đạc lập bản đồ địa chính, bản đồ địa hình, xác định mốc giới giao đất đã ký kết với các chủ đầu tư thuộc thuộc vốn ngân sách nhà nước, đã thực hiện một phần hoặc toàn bộ công việc, tuy nhiên chưa được nghiệm thu, quyết toán qua nhiều năm.

7.	**Tài sản dở dang dài hạn**				
	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn				
				31/12/2020	**01/01/2020**
				VND	**VND**
	Khu Văn phòng tại Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội			14,001,963,965	13,107,978,845
	Cộng			**14,001,963,965**	**13,107,978,845**
8.	**Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình**				
					Đơn vị tính: VND
	Khoản mục	**Nhà cửa, vật kiến trúc**	**Máy móc, thiết bị**	**Phương tiện vận tải, truyền dẫn**	**Cộng**
	Nguyên giá				
	Số dư ngày 01/01/2020	**8,135,272,727**	**4,338,273,265**	**1,917,709,957**	**14,391,255,949**
	Mua trong năm	-	-	-	-
	Số dư ngày 31/12/2020	**8,135,272,727**	**4,338,273,265**	**1,917,709,957**	**14,391,255,949**
	Giá trị hao mòn luỹ kế				
	Số dư ngày 01/01/2020	**3,100,319,053**	**3,938,928,770**	**1,725,107,548**	**8,764,355,370**
	Khấu hao trong năm	162,705,454	45,091,162	68,650,364	**276,446,980**
	Số dư ngày 31/12/2020	**3,263,024,507**	**3,984,019,932**	**1,793,757,912**	**9,040,802,351**
	Giá trị còn lại				
	Tại ngày 01/01/2020	**5,034,953,675**	**399,344,495**	**192,602,410**	**5,626,900,578**
	Tại ngày 31/12/2020	**4,872,248,221**	**354,253,333**	**123,952,046**	**5,350,453,598**
	Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.247.266.858 VND (tại ngày 31/12/2019: 4.004.370.494 VND)				
9.	**Phải trả người bán**				
		31/12/2020		**01/01/2020**	
		VND		**VND**	
		Giá trị	**Số có khả năng trả nợ**	**Giá trị**	**Số có khả năng trả nợ**
	Ngắn hạn				
	Công ty CP Kiến trúc xây dựng	73,782,218	73,782,218	73,782,218	73,782,218
	Cộng	**73,782,218**	**73,782,218**	**73,782,218**	**73,782,218**
10.	**Người mua trả tiền trước**				
				31/12/2020	**01/01/2020**
				VND	**VND**
	Ngắn hạn				
	BQL Đường sắt đô thị Hà Nội (MRB)			236,000,000	236,000,000

	Công ty CP Đầu tư phát triển nhà Hào Nam			243,886,000	243,886,000
	Công ty CP Vật tư nông sản			266,000,000	266,000,000
	Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 5 - Công ty CP			421,710,000	421,709,400
	Công ty TNHH Xây dựng công trình Hoàng Hà			395,302,000	1,426,000,000
	Các đối tượng khác			2,376,611,350	3,050,391,120
	Cộng			**3,939,509,350**	**5,643,986,520**

11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: VND

		01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2020
	a) Phải nộp				
	Thuế GTGT đầu ra	247,218,786	1,650,584,090	1,459,546,566	438,256,310
	Thuế TNDN	161,326,474	194,191,645	261,326,474	94,191,645
	Thuế thu nhập cá nhân	-	120,964,074	-	120,964,074
	Thuế nhà đất, tiền thuê	-	94,834,104	94,834,104	-
	Các loại thuế khác	-	3,000,000	3,000,000	-
	Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	32,712,255	32,712,255	-
	Cộng	**408,545,260**	**2,096,286,168**	**1,851,419,399**	**653,412,029**
	b) Phải thu			-	
	Thuế thu nhập cá nhân	104,499,644	122,102,344	17,602,700	-
	Cộng	**104,499,644**	**122,102,344**	**17,602,700**	-

12. Chi phí phải trả

		31/12/2020	01/01/2020
		VND	**VND**
	Ngắn hạn		
	Trích trước chi phí lãi vay	6,000,000	-
	Trích trước chi phí hoa hồng khách hàng	28,100,000	226,800,000
	Trích trước chi phí vật tư, xăng, điện thoại	115,030,000	179,581,000
	Cộng	**149,130,000**	**406,381,000**

13. Phải trả khác

		31/12/2020	01/01/2020
		VND	**VND**
	Ngắn hạn		
	Kinh phí công đoàn	-	14,493,000
	Bảo hiểm xã hội	-	155,808,932
	Bảo hiểm y tế	-	10,950,246
	Bảo hiểm thất nghiệp	-	33,472,534
	Các khoản phải trả, phải nộp khác.	44,537,000	807,706
	Cộng	**44,537,000**	**215,532,418**

14.	Vay và nợ thuê tài chính						
		31/12/2020		Trong năm		01/01/2020	
		VND		VND		VND	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	a) Ngắn hạn	***1,000,000,000***	***1,000,000,000***	***1,000,000,000***	-	-	-
	Vay ngắn hạn	***1,000,000,000***	***1,000,000,000***	***1,000,000,000***	-	-	-
	Ông Lê Minh Thành (*)	1,000,000,000	1,000,000,000	*1,000,000,000*	-	-	-
	Cộng	**1,000,000,000**	**1,000,000,000**	**1,000,000,000**	-	-	-
	(*) Hợp đồng vay số 01/2020/HĐCV ngày 09/12/2020 với ông Lê Minh Thành, thời hạn vay 2 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này (cụ thể là đến hết ngày 09/02/2021), lãi vay 0,6%/tháng trên cơ sở một tháng có 30 ngày và lãi suất vay cố định trong suốt thời hạn vay, khoản vay không có tài sản đảm bảo.						
	b) Thuyết minh chi tiết về các khoản vay và nợ thuê tài chính với các bên liên quan: *Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2*						

15. Vốn chủ sở hữu

15.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 31/12/201	**28,800,000,000**	**284,452,150**	**1,981,579,739**	**31,066,031,889**
Lãi trong năm trước	-	-	1,488,251,523	**1,488,251,523**
Phân phối các quỹ (*)	-	-	(973,579,739)	**(973,579,739)**
Chi trả cổ tức (*)	-	-	(1,008,000,000)	**(1,008,000,000)**
Giảm khác (*)	-	-	(100,000,000)	**(100,000,000)**
Số dư tại ngày 31/12/201	**28,800,000,000**	**284,452,150**	**1,388,251,523**	**30,472,703,673**
Lãi trong năm nay	-	-	985,487,036	**985,487,036**
Phân phối các quỹ (**)	-	-	(524,251,523)	**(524,251,523)**
Chi trả cổ tức (**)	-	-	(864,000,000)	**(864,000,000)**
Số dư tại ngày 31/12/202	**28,800,000,000**	**284,452,150**	**985,487,036**	**30,069,939,186**

(*) Chia cổ tức và tạm phân phối các quỹ trong năm 2019 theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/05/2019.

(*) Giảm khác là khoản tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ Lợi nhuận sau thuế 2019.

(**) Chia cổ tức và tạm phân phối các quỹ trong năm 2020 theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/05/2020.

15.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Vốn nhà nước	15,611,000,000	15,611,000,000
Các cổ đông khác	13,189,000,000	13,189,000,000
Cộng	**28,800,000,000**	**28,800,000,000**

15.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	28,800,000,000	28,800,000,000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	28,800,000,000	28,800,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	**864,000,000**	**1,008,000,000**

15.4 Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2,880,000	2,880,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2,880,000	2,880,000
- Cổ phiếu phổ thông	*2,880,000*	*2,880,000*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2,880,000	2,880,000
- Cổ phiếu phổ thông	*2,880,000*	*2,880,000*

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu

15.5	**Các quỹ của công ty**				
					Đơn vị tính: VND
	Khoản mục	**01/01/2020**	**Tăng trong năm**	**Giảm trong năm**	**31/12/2020**
	Quỹ đầu tư phát triển	2,157,766,442	297,650,305	-	2,455,416,747
	Cộng	**2,157,766,442**	**297,650,305**	-	**2,455,416,747**
	****) Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp***				
-	Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.				
VI.	**Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**				
1.	**Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**				
				Năm 2020	**Năm 2019**
				VND	**VND**
	Doanh thu				
	Doanh thu cung cấp dịch vụ			16,505,840,849	22,845,766,832
	Cộng			**16,505,840,849**	**22,845,766,832**
2.	**Giá vốn hàng bán**				
				Năm 2020	**Năm 2019**
				VND	**VND**
	Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp			11,995,858,086	18,105,779,103
	Cộng			**11,995,858,086**	**18,105,779,103**
3.	**Doanh thu hoạt động tài chính**				
				Năm 2020	**Năm 2019**
				VND	**VND**
	Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi ký quỹ			567,036,974	1,079,918,377
	Cộng			**567,036,974**	**1,079,918,377**
4.	**Chi phí tài chính**			**Năm 2020**	**Năm 2019**
				VND	**VND**
	Chi phí lãi vay			6,000,000	-
	Cộng			**6,000,000**	**-**
5.	**Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**				
				Năm 2020	**Năm 2019**
				VND	**VND**
	a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm			***1,377,233,495***	***1,257,092,364***
	Chi phí nhân viên			1,240,783,131	264,542,000
	Chi phí khấu hao Tài sản cố định			68,650,364	68,650,364
	Chi phí dịch vụ mua ngoài			-	923,900,000
	Chi phí bằng tiền khác			67,800,000	-

	b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	***2,306,733,061***	***2,901,294,383***
	Chi phí nhân viên quản lý	1,267,560,742	1,674,264,044
	Chi phí vật liệu quản lý	15,688,010	36,232,731
	Chi phí khấu hao Tài sản cố định	162,705,454	231,218,839
	Thuế, phí và lệ phí	4,628,239	6,228,194
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	364,219,257	419,354,433
	Chi phí bằng tiền khác	491,931,359	533,996,142
	Cộng	**3,683,966,556**	**4,158,386,747**
6.	**Thu nhập khác**		
		Năm 2020	**Năm 2019**
		VND	**VND**
	Xử lý công nợ	-	528,757,711
	Thu nhập khác	30,000	1,841,428
	Cộng	**30,000**	**530,599,139**
7.	**Chi phí khác**		
		Năm 2020	**Năm 2019**
		VND	**VND**
	Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	68,000,000	60,000,000
	Tiền phạt, truy thu thuế	-	128,203,827
	Xử lý công nợ	139,404,500	-
	Cộng	**207,404,500**	**188,203,827**
8.	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**		
		Năm 2020	**Năm 2019**
		VND	**VND**
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	1,179,678,681	2,003,914,671
	Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	207,404,500	188,203,827
	Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	1,387,083,181	2,192,118,498
	Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	277,416,636	438,423,700
	Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	77,239,448
	30% Thuế TNDN được giảm theo NQ số 116/2020/QH14 ngày 03/07/2020	83,224,991	-
	Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	194,191,645	515,663,148

9.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**Năm 2020**	**Năm 2019**
		VND	**VND**
	Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	985,487,036	1,488,251,523
	+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	(326,601,000)
	Các khoản điều chỉnh giảm	-	*(326,601,000)*
	- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	*(326,601,000)*
	Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thôn	985,487,036	1,161,650,523
	+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2,880,000	2,880,000
	+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	342.18	403.35

Giá trị Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 là số liệu thực tế Công ty đã trích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT ngày 10/05/2020 của Công ty. Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu do ảnh hưởng của việc điều chỉnh trích lại quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 02/NQ-HĐQT ngày 10/05/2020.

	Năm 2019	**Số điều chỉnh**	**Năm 2019**
	Số trước điều chỉnh		**Số sau điều chỉnh**
	VND	**VND**	**VND**
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	1,488,251,523	-	1,488,251,523
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(100,000,000)	(226,601,000)	(326,601,000)
Các khoản điều chỉnh giảm	*(100,000,000)*	*(226,601,000)*	*(326,601,000)*
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	*(100,000,000)*	*(226,601,000)*	*(326,601,000)*
- Các khoản điều chỉnh giảm khác	-	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1,388,251,523	(226,601,000)	1,161,650,523
+ Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	2,880,000	-	2,880,000
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	482.03	-	403.35

10	**Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**	**Năm 2020**	**Năm 2019**
		VND	**VND**
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu	621,311,666	1,151,447,331
	Chi phí nhân công	13,223,520,643	17,229,967,083
	Chi phí khấu hao tài sản cố định	276,446,980	449,925,754
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	485,258,786	2,345,287,645
	Chi phí khác bằng tiền	1,060,519,328	909,924,336
	Cộng	**15,667,057,403**	**22,086,552,149**

VI Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	**Mối quan hệ**
Ông Lê Minh Thành	Ủy viên HĐQT

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2020	**Năm 2019**
	VND	**VND**
Vay ngắn hạn	**1,000,000,000**	**-**
Ông Lê Minh Thành	1,000,000,000	-

Số dư với các bên liên quan	**31/12/2020**	**01/01/2020**
	VND	**VND**
Vay ngắn hạn	**1,000,000,000**	**-**
Ông Lê Minh Thành	1,000,000,000	-

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2020	**Năm 2019**
	VND	**VND**
Lương, thưởng	561,579,707	1,064,833,268
Cộng	**561,579,707**	**1,064,833,268**

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Công nợ tài chính	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Các khoản vay	1,000,000,000	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	7,195,865,754	7,693,093,475
Nợ thuần	(6,195,865,754)	(7,693,093,475)
Vốn chủ sở hữu	32,525,355,933	32,630,470,115
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	0%	0%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	7,195,865,754	7,693,093,475
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7,083,378,527	8,476,127,685
Các khoản đầu tư tài chính	4,500,000,000	3,500,000,000
Tổng cộng	**18,779,244,281**	**19,669,221,160**
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	118,319,218	289,314,636
Chi phí phải trả	149,130,000	406,381,000
Tổng cộng	**1,267,449,218**	**695,695,636**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2020	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	118,319,218	-	**118,319,218**
Chi phí phải trả	149,130,000	-	**149,130,000**

01/01/2020	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	289,314,636	-	**289,314,636**
Chi phí phải trả	406,381,000	-	**406,381,000**

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2020	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	7,195,865,754	-	**7,195,865,754**
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7,083,378,527	-	**7,083,378,527**
Các khoản đầu tư tài chính	-	4,500,000,000	**4,500,000,000**

01/01/2020	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	7,693,093,475	-	**7,693,093,475**
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8,476,127,685	-	**8,476,127,685**
Các khoản đầu tư tài chính	-	3,500,000,000	**3,500,000,000**

4.	**Thông tin so sánh**		
	Là số liệu lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty CP Địa chính Hà Nội đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.		
			Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2021
			CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHÍNH HÀ NỘI
	Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Phó Tổng giám đốc**
	Đào Thị Ngọc Phượng	**Đào Thị Ngọc Phượng**	**Nguyễn Đức Việt**
			(Giấy ủy quyền số 358/2020/QĐ-CTĐC-TCHC ngày 02/11/2020)

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE

M.S.D.N: 0100102446 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHÍNH HÀ NỘI
Q. BA ĐÌNH - T.P HÀ NỘI

Nguyễn Đức Hào